Chi tiết mã HS 9026.10.90

Mã HS	9026.10.90
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ và máy đo hoặc kiểm tra lưu lượng, mức, áp suất hoặc biến số khác của chất lỏng hoặc chất khí (ví dụ, dụng cụ đo lưu lượng, dụng cụ đo mức, áp kế, nhiệt kế), trừ các dụng cụ và thiết bị thuộc nhóm 90.14, 90.15, 90.28 hoặc 90.32 / - Để đo hoặc kiểm tra lưu lượng hoặc mức của chất lỏng: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	04/11/2026 15:48:37
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90261090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18163
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18163
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18163
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17485
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17414
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17414
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17414
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17414
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17414
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17414
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17470
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17470
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17470
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17470

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17470
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17470
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17471
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17471
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17471
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17471
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17471
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17471
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17476
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17432
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17428
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17428
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17428
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17428
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17428
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17428
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17474
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17474
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17474
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17474
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17474
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17474
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17536
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17536
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17536
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17536

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17536
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17536
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17512
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17512
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17512
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17512
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17512
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17512
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17507
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17507
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17507
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17507
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17507
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17507
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17537
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17537
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17537
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17537
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17537
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17537
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17536
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17536
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17536
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17536
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17536
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17536

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17630
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17630
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17630
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17630
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17630
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17630
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17630
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17499
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17499
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17499
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17499
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17499
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17499
RCEP B	2022	2022	0	B!D17499
RCEP B	2023	2023	0	B!E17499
RCEP B	2024	2024	0	B!F17499
RCEP B	2025	2025	0	B!G17499
RCEP B	2026	2026	0	B!H17499
RCEP B	2027	2027	0	B!I17499
RCEP C	2022	2022	0	C!D17497
RCEP C	2023	2023	0	C!E17497
RCEP C	2024	2024	0	C!F17497
RCEP C	2025	2025	0	C!G17497
RCEP C	2026	2026	0	C!H17497
RCEP C	2027	2027	0	C!I17497
RCEP D	2022	2022	0	D!D17496

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17496
RCEP D	2024	2024	0	D!F17496
RCEP D	2025	2025	0	D!G17496
RCEP D	2026	2026	0	D!H17496
RCEP D	2027	2027	0	D!I17496
RCEP E	2022	2022	0	E!D17500
RCEP E	2023	2023	0	E!E17500
RCEP E	2024	2024	0	E!F17500
RCEP E	2025	2025	0	E!G17500
RCEP E	2026	2026	0	E!H17500
RCEP E	2027	2027	0	E!I17500
RCEP F	2022	2022	0	F!D17499
RCEP F	2023	2023	0	F!E17499
RCEP F	2024	2024	0	F!F17499
RCEP F	2025	2025	0	F!G17499
RCEP F	2026	2026	0	F!H17499
RCEP F	2027	2027	0	F!I17499
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16405
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16405
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16405
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16405

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9026.10 có 2 dòng thuế; dòng 9026.10.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9026.10.50 Dụng cụ đo mức sử dụng cho xe có động cơ	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9026.10.90 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9026.10.90	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9026.10.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9026.10.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18163), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.